

Vietnam Daily Review

Sắc xanh bao phủ thị trường

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 30/5/2022	•		
Tuần 30/5-3/6/2022	•		
Tháng 5/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index vẫn đang trong hành trình chinh phục ngưỡng kháng cự 1300. Chỉ số duy trì đà đi lên trong cả phiên hôm nay, kết phiên chỉ số tăng gần 17 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/19 ngành kết phiên trong sắc xanh, 29/30 mã thuộc nhóm VN30 tăng điểm, tạo động lực mạnh mẽ cho chỉ số. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Nếu dòng tiền tiếp tục tích cực ủng hộ chỉ số thế này thì trong những phiên tới nhiều khả năng VN-Index có thể tiến tới chinh phục ngưỡng 1300.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư mở vị thế long và đảo chiều short khi VN30 chạm vùng 1340-1350.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 27/05/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 3): MWG_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn:

- VN-Index **16.88** điểm, đóng cửa **1285.45** điểm. HNX-Index **-2.12** điểm, đóng cửa **311.17** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **FPT (+1.49)**, **MWG (+1.48)**, **GAS (+1.17)**, **VHM (+1.10)**, **ACB(+1.02)**.
- Kéo chỉ số giảm: **DGC (-0.44)**, **BCM (-0.22)**, **STB (-0.07)**, **BCG (-0.07)**, **BHN (-0.06)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 15.105 tỷ đồng, tăng **16.27%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 16.091 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 17.70 điểm. Thị trường có **308** mã tăng, 63 mã tham chiếu và **129** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **124.01 tỷ** đồng trên sàn HOSE, gồm **FUEVFVND (122.53 tỷ)**, **VNM (56.81 tỷ)**, **VHM (54.80 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **17.23 tỷ** đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1285.45**
Giá trị: 15104.81 tỷ **16.88 (1.33%)**
Khối ngoại (ròng): 124.01 tỷ

HNX-INDEX **311.17**
Giá trị: 1599.96 tỷ **-2.12 (-0.68%)**
Khối ngoại (ròng): 17.23 tỷ

UPCOM-INDEX **95.29**
Giá trị: 0.73 tỷ **0.34 (0.36%)**
Khối ngoại(ròng): 2.64 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	114.3	0.18%
Giá vàng	1,858	0.37%
Tỷ giá USD/VND	23,200	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	24,886	0.06%
Tỷ giá JPY/VND	18,257	-0.37%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	11.63%
LS TPCP 5 năm	2.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFVND	122.5	DGC	-89.6
VNM	56.8	NKG	-70.6
VHM	54.8	TPB	-30.5
FRT	44.7	SAB	-21.6
HPG	36.1	KBC	-20.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Hiệu suất PTKT	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 27/05

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	114.09	3.41%	3.82%	13.32%	71.31%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	117.64	3.17%	5.00%	12.09%	70.00%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	3.88	1.29%	1.29%	13.70%	80.08%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1850.51	-0.13%	0.48%	-1.89%	-2.40%		PNJ
Bạc	USD/ounce	22.00	0.14%	0.48%	-5.52%	-21.03%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1726.50	2.71%	2.13%	1.99%	12.33%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	1143.25	-0.44%	-4.77%	4.77%	69.06%		AFX
Sữa	USD /cwt	25.19	0.32%	0.28%	3.62%	32.79%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	245.60	-2.03%	0.90%	-0.49%	-4.77%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	19.54	-0.71%	-1.16%	2.73%	14.14%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	2.67	-0.74%	-0.74%	-5.32%	3.49%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	225.95	4.10%	3.32%	4.63%	45.45%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	4.25	-0.62%	-0.81%	-4.62%	-8.91%	HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	4642.00	0.37%	-4.52%	-8.12%	-0.36%		
Nhôm	USD/ton	2870.00	-0.14%	-1.26%	-7.22%	16.61%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	130.00	0.00%	5.69%	-5.11%	-28.96%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	403.00	0.75%	-2.21%	23.60%	281.99%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Hợp đồng dầu Brent tiến 3.37 USD lên 117.40 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI cộng 3.4% lên 114.09 USD/thùng.
- Giá dầu tăng 3% lên mức cao nhất trong 2 tháng vì dầu hiệu nguồn cung khan hiếm trước mùa du lịch hè ở Mỹ, khi Liên minh châu Âu (EU) tranh cãi với Hungary về kế hoạch cấm nhập khẩu dầu Nga vì cuộc chiến ở Ukraine.

Giá vàng

- Hợp đồng vàng giao ngay hạ 0.1% xuống 1,851.57 USD/oz. Hợp đồng vàng tương lai cộng 0.2% lên 1,849.8 USD/oz.
- Giá vàng giảm vì một số nhà đầu tư rút khỏi thị trường sau khi biên bản cuộc họp chính sách của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) cho thấy NHTW có khả năng tiếp tục nâng lãi suất.

Giá cao su

- Giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 6/2022 được điều chỉnh lên mức 13,050 CNY/tấn, tăng 0.97% (tương đương 125 nhân dân tệ) so với giao dịch trước đó.
- Giá cao su kỳ hạn giao tháng 6/2022 ghi nhận mức 244.5 JPY/kg, giảm 0.45% (tương đương 1.1 JPY/kg).

Giá nông sản

- Giá cà phê trực tuyến robusta tại London giao tháng 7/2022 được ghi nhận tại mức 2,107 USD/tấn sau khi tăng 0.91% (tương đương 19 USD).
- Giá cà phê arabica giao tháng 7/2022 tại New York đạt mức 226.6 US cent/pound, tăng 4.64% (tương đương 10.05 US cent).

	27/5	% 27/5	26/5	% 26/5	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1285.45	1.33%	1268.57	0.01%	3.61%	-1.94%
S&P 500			4057.84	1.99%	4.03%	-2.81%
HĐTL S&P500	4068.00	0.30%	4055.75	1.99%	4.32%	-2.69%
Shang- hai	3130.24	0.23%	3123.11	0.50%	-0.52%	1.40%
Euro Stoxx	3766.91	0.71%	3740.31	1.72%	3.00%	0.86%

Phân tích kỹ thuật

MWG_Tín hiệu tích cực

- Điểm nhấn kỹ thuật:**
- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD đang ở trên đường tín hiệu
 - Chỉ báo RSI: Xu hướng tăng điểm

Nhận định: MWG có một phiên tăng điểm tốt với mẫu hình nến Marubozu gần như hoàn hảo và thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Đường MACD hiện đang ở trên đường tín hiệu, đồng thời chỉ RSI đang cho thấy xu hướng tăng. Đường giá cổ phiếu đã ở trên đường MA20 và MA50 tuy nhiên đường MA20 vẫn ở dưới đường MA50. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 146.7, chốt lãi tại ngưỡng 162.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 136.7.



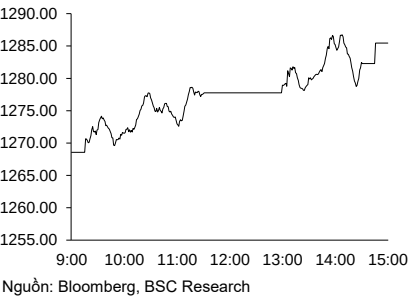
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	5.11%
Công nghệ Thông tin	5.11%
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.36%
Du lịch và Giải trí	2.41%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.71%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.57%
Tài nguyên Cơ bản	1.51%
Thực phẩm và đồ uống	1.49%
Ngân hàng	1.29%
Dịch vụ tài chính	0.90%
Truyền thông	0.84%
Y tế	0.71%
Bất động sản	0.53%
Ô tô và phụ tùng	0.30%
Xây dựng và Vật liệu	0.25%
Bảo hiểm	0.18%
Dầu khí	0.07%
Hóa chất	-0.41%
Viễn thông	-7.06%

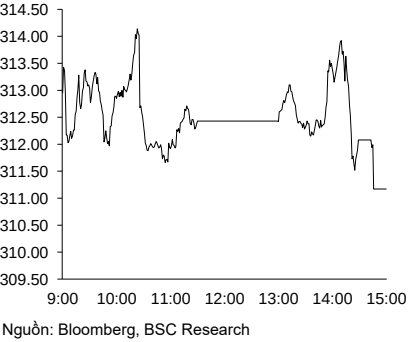
Hình 1

HSX-Index Intraday



Hình 2

HNX-Index Intraday



Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

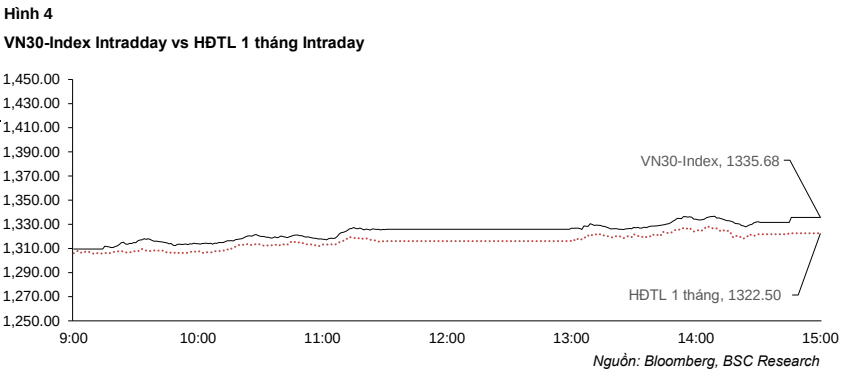
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/26/2022	DBC	25.3	30.2	22.5	26.2	1	3.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/25/2022	FRT	121.8	154.1	112.4	132.8	2	9.03%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	35.3	8	12.42%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/18/2022	VCI	35	48	32.5	39.5	9	12.86%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
5/4/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
5/3/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
4/28/2022	FPT	105.5	118.9	100	SL	10	-5.21%
4/27/2022	HPG	42.5	47	39.5	SL	12	-7.06%
4/26/2022	REE	73.9	86	69	TP	13	16.37%
4/16/2022	DRC	37.5	42	35	SL	4	-6.67%
4/15/2022	MIG	29.65	33.9	27.65	SL	5	-6.75%
4/14/2022	BWE	57.7	66	53.7	SL	11	-6.93%
4/13/2022	LHG	57.7	67.8	53.7	SL	7	-6.93%
4/6/2022	HT1	25.7	30	24.2	SL	9	-5.84%
4/5/2022	ELC	28.85	35	27	SL	3	-6.41%
4/4/2022	GVR	36.5	41.5	34	SL	8	-6.85%
Chú thích: Thông kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thông kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	4	0	9.47%	0.00%	9.47%	5
Cổ phiếu đã chốt	244	212	7.28%	-7.43%	4.31%	23

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2205	1283.50	0.20%	-52.18	-24.8%	309,742	5/19/2022	0
VN30F2206	1322.50	1.66%	-13.18	-8.5%	255,624	6/16/2022	20
VN30F2209	1323.80	2.10%	-11.88	140.0%	96	9/15/2022	111
VN30F2212	1317.90	1.78%	-17.78	-66.7%	169	12/15/2022	202

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 26.18 điểm lên 1335.68 điểm. Các cổ phiếu như FPT, MWG, ACB, TCB, PNJ đã tác động đến nhịp vận động tích cực của VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư mở vị thế long và đảo chiều short khi VN30 chạm vùng 1340-1350.
- Các HDTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐ có sự cân bằng khi HĐ VN30F2209 và VN30F2212 tăng, HĐ VN30F2205 và VN30F2206 giảm so với phiên ngày hôm qua. Xét về vị thế mở cũng có sự cân bằng tương tự khi HĐ VN30F2209 và VN30F2212 tăng, HĐ VN30F2205 và VN30F2206 giảm so với phiên ngày hôm qua. VN30 duy trì xu hướng hồi phục với thanh khoản tại mức trung bình gần đây. Nhịp vận động có thể gặp lực cản tại vùng 1340-1350 điểm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CACB2102	7/1/2022	35	2:1	1,380,900	27.70%	2,900	340	41.67%	105	3.24	36,680	35,000	31,800
CFPT2201	9/20/2022	116	8:1	636,100	30.46%	2,100	2,070	23.95%	1,449	1.43	117,840	106,000	111,800
CFPT2108	7/6/2022	40	6:1	94,900	30.46%	3,280	2,060	23.35%	1,281	1.61	108,095	106,835	111,800
CACB2203	10/19/2022	145	3:1	222,500	27.70%	2,500	1,720	18.62%	651	2.64	34,500	33,000	31,800
CACB2201	9/20/2022	116	4:1	742,800	27.70%	1,500	680	17.24%	212	3.21	47,980	35,500	31,800
CKDH2203	7/18/2022	52	2:1	866,400	36.48%	5,000	280	16.67%	22	12.80	59,000	57,000	42,550
CMSN2202	10/7/2022	133	8.33:1	3,300	41.60%	2,220	1,080	13.68%	675	1.60	142,463	127,552	110,000
CMWG2201	9/20/2022	116	10:1	151,200	31.97%	2,600	2,510	10.09%	1,859	1.35	157,600	134,500	146,700
CVNM2205	10/20/2022	146	16:1	230,200	22.59%	1,000	750	8.70%	132	5.69	143,839	79,999	73,000
CKDH2205	9/26/2022	122	3:1	34,100	36.48%	1,750	280	7.69%	126	2.22	65,200	58,000	42,550
CNVL2203	9/26/2022	122	5:1	1,500	24.23%	2,150	840	3.70%	170	4.93	94,850	92,500	78,400
CVIC2205	10/20/2022	146	16:1	25,100	25.49%	1,100	770	2.67%	153	5.03	105,706	86,666	78,000
CVRE2201	9/20/2022	116	4:1	35,500	39.13%	1,200	530	1.92%	322	1.64	38,680	34,000	29,800
CMSN2201	9/21/2022	117	16.6:1	449,900	41.60%	2,000	540	1.89%	143	3.78	156,995	169,999	110,000
CHPG2211	10/19/2022	145	4:1	298,400	33.01%	2,400	620	1.64%	169	3.66	47,140	44,500	35,450
CVIC2202	8/15/2022	80	16:1	100,700	25.49%	1,100	580	0.00%	145	4.01	110,222	82,222	78,000
CMSN2203	8/22/2022	87	20:1	1,124,500	41.60%	1,000	520	-3.70%	184	2.82	169,189	126,789	110,000
CHPG2207	9/26/2022	122	3:1	5,900	33.01%	2,200	390	-4.88%	31	12.58	52,220	51,500	35,450
CHDB2202	6/9/2022	13	3:1	67,300	38.48%	2,220	80	-27.27%	3	30.50	30,860	30,500	25,800
CVRE2202	6/9/2022	13	3:1	409,200	39.13%	2,400	70	-46.15%	5	14.28	37,420	34,900	29,800
Tổng				5,499,500	32.64%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi							
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn							
**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes							

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 27/05/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2201 và CHDB2202 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 100.00% và 100.00%. Giá trị giao dịch tăng 29.43%, CFPT2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 27.66 % thị trường.
- CPNJ2201, CSTB2205,CFPT2203 và CVNM2204 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CFPT2201, CNVL2203, CMSN2203 và CKDH2204 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2203, CPNJ2201 và CFPT2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	146.7	5.5%	0.7	4,668	16.1	7,030	20.9	4.8	49.0%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	122.3	7.0%	0.7	1,289	13.3	5,443	22.5	3.7	52.2%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	53.6	0.2%	1.3	1,730	2.7	2,529	21.2	1.8	26.3%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	50.2	-0.6%	0.6	511	0.1	3,644	13.8	1.5	58.3%	11.1%
VIC	Bất động sản	78.0	0.4%	0.5	12,934	5.3	(578) N/A	N/A	2.8	12.5%	-2.4%
VRE	Bất động sản	29.8	0.7%	1.1	2,944	3.8	401	74.3	2.2	31.0%	3.0%
VHM	Bất động sản	69.7	1.5%	0.8	13,196	7.4	8,786	7.9	2.3	23.3%	34.5%
DXG	Bất động sản	27.3	0.4%	1.5	721	7.2	1,503	18.2	1.8	31.2%	11.3%
SSI	Chứng khoán	29.9	1.5%	1.6	1,291	27.3	3,023	9.9	2.0	34.8%	22.6%
VCI	Chứng khoán	39.5	0.8%	1.0	572	7.5	4,884	8.1	1.8	19.2%	26.9%
HCM	Chứng khoán	24.2	-1.0%	1.6	481	4.5	2,619	9.2	1.5	42.3%	17.9%
FPT	Công nghệ	111.8	5.9%	0.9	4,444	18.6	5,152	21.7	5.3	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	72.5	2.0%	0.4	1,035	0.0	4,926	14.7	4.0	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	110.0	2.2%	1.0	9,154	1.9	5,109	21.5	3.9	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	42.6	0.1%	1.5	2,353	2.0	1,950	21.8	2.1	17.1%	9.9%
PVS	Dầu khí	28.2	-0.7%	1.6	586	12.4	1,408	20.0	1.1	9.0%	5.5%
BSR	Dầu khí	23.9	0.4%	0.8	3,222	8.3	2,108	11.3	2.0	41.1%	19.1%
DHG	Dược	93.8	0.9%	0.3	533	0.0	6,105	15.4	3.4	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	56.8	0.5%	1.2	966	11.3	12,920	4.4	1.8	14.6%	50.2%
DCM	Hóa chất	35.3	0.0%	1.2	813	8.2	5,643	6.3	2.1	9.4%	38.9%
VCB	Ngân hàng	77.4	0.9%	0.9	15,926	3.0	4,855	15.9	3.1	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	35.3	0.6%	1.2	7,764	1.4	2,266	15.6	2.1	16.8%	13.8%
CTG	Ngân hàng	27.0	1.1%	1.5	5,642	4.6	2,558	10.6	1.3	26.0%	13.0%
VPB	Ngân hàng	31.1	0.2%	1.2	6,011	14.3	3,874	8.0	1.6	17.5%	24.0%
MBB	Ngân hàng	28.0	1.3%	1.3	4,600	10.2	3,623	7.7	1.7	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	31.8	4.8%	1.1	3,736	6.7	3,852	8.3	1.8	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	59.3	0.0%	0.7	211	0.2	3,150	18.8	2.0	85.7%	10.7%
NTP	Nhựa	45.5	-0.7%	0.5	233	0.1	3,990	11.4	1.9	17.9%	16.9%
MSR	Tài nguyên	22.1	-0.9%	1.4	1,056	0.3	178	124.2	1.7	10.1%	1.4%
HPG	Thép	35.5	1.3%	1.1	6,894	27.0	7,443	4.8	1.6	21.3%	40.4%
HSG	Thép	23.2	6.9%	1.4	498	15.8	7,157	3.2	1.0	6.8%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	73.0	2.4%	0.6	6,633	11.0	4,390	16.6	4.7	54.4%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	154.0	0.7%	0.8	4,294	1.5	5,969	25.8	4.6	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	110.0	1.3%	1.1	6,775	3.7	7,041	15.6	5.7	28.7%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	17.7	1.7%	1.5	483	2.9	1,144	15.4	1.3	8.4%	8.3%
ACV	Vận tải	86.8	0.2%	0.8	8,216	0.2	363	239.3	5.0	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	127.0	1.6%	1.1	2,991	4.7	361	351.4	4.0	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	18.6	4.2%	1.7	1,791	1.7	(5,210) N/A	N/A N/A	N/A	6.0%	#VALUE!
GMD	Vận tải	55.3	3.0%	1.0	725	7.8	2,256	24.5	2.5	44.9%	10.8%
PVT	Vận tải	20.5	-1.0%	1.4	288	2.3	2,088	9.8	1.2	11.4%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	93.6	0.5%	0.8	651	0.3	10,540	8.9	2.9	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	40.3	0.2%	0.8	786	1.6	3,677	11.0	2.3	4.6%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.0	0.0%	1.1	282	0.7	783	21.7	1.2	2.0%	5.6%
CTD	Xây dựng	49.4	0.0%	1.3	159	0.7	(27) N/A	N/A	0.4	44.8%	0.0%
CII	Xây dựng	22.0	0.0%	1.3	241	5.5	1,266	17.3	1.0	10.8%	6.1%
REE	Điện	89.6	6.9%	-1.4	1,385	10.0	5,994	14.9	2.3	49.0%	16.7%
PC1	Điện	35.6	-0.3%	-0.4	364	1.6	3,238	11.0	1.7	5.0%	16.9%
POW	Điện	13.4	1.5%	0.6	1,359	6.6	859	15.5	1.1	2.1%	6.9%
NT2	Điện	22.3	0.2%	0.7	279	0.7	1,933	11.5	1.5	14.0%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	44.3	0.8%	1.5	1,109	4.7	1,154	38.4	1.7	18.6%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	73.5	-1%	0.9	3,308	1.0	1,190	61.8	4.6	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MWG	146.70	5.54	1.43	2.55MLN
FPT	111.80	5.87	1.43	3.88MLN
GAS	110.00	2.23	1.17	404700
VHM	69.70	1.46	1.11	2.45MLN
ACB	31.80	4.78	0.99	4.91MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
DGC	0.00	-0.47	2.87MLN	1.11MLN
BCM	0.00	-0.24	327100	607060
STB	0.00	-0.07	15.04MLN	373600
BCG	0.00	-0.07	6.72MLN	192700
BHN	0.00	-0.06	2000	611640

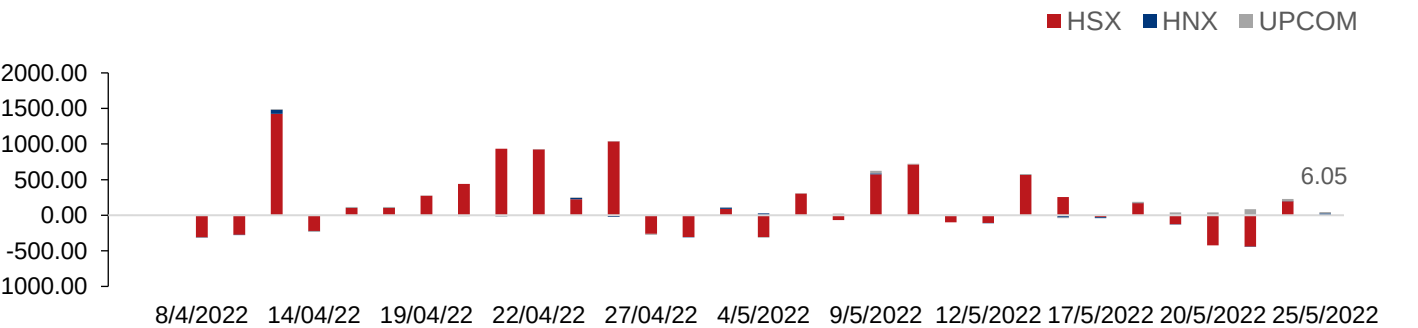
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PNJ	122.30	7.00	0.46	2.56MLN
KMR	5.97	6.99	0.01	296400
HSL	7.20	6.98	0.00	474100
TNC	46.10	6.96	0.02	100
ANV	50.80	6.95	0.11	3.19MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SSC	39.00	-6.92	-0.01	2500
SII	13.85	-6.73	-0.02	3500
PGC	21.35	-5.53	-0.02	28100.00
HAI	3.00	-5.36	-0.01	8.99MLN
ROS	3.90	-4.88	-0.03	26.10MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	111.8	5,152	21.7	5.3	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	30.2	2,466	12.2	1.9	Click
3	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	31.1	11,559	2.7	1.1	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.4	859	15.5	1.1	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	122.3	5,443	22.5	3.7	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	146.7	7,030	20.9	4.8	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	20.5	2,088	9.8	1.2	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	214.0	18,902	11.3	5.0	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	35.5	7,443	4.8	1.6	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	44.3	1,154	38.4	1.7	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	29.7	5,084	5.8	1.9	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	27.3	1,503	18.2	1.8	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	127.0	8,596	14.8	5.7	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	50.8	2,136	23.8	2.5	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	30.3	2,917	10.4	1.9	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	102.5	8,331	12.3	2.9	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	32.8	1,941	16.9	1.5	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	50.2	3,644	13.8	1.5	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	28.2	1,408	20.0	1.1	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	110.0	5,109	21.5	3.9	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	22.4	3,141	7.1	1.5	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	49.4	-27	#N/A N/A	0.4	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	15.3	1,701	9.0	0.6	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	12.4	1,350	9.1	0.6	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	12.4	1,350	9.1	0.6	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	15.2	2,433	6.2	1.2	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	122.3	5,443	22.5	3.7	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	122.3	5,443	22.5	3.7	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	146.7	7,030	20.9	4.8	Click
30	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	52.6	2,762	19.0	3.7	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	47.8	1,900	25.2	2.1	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	23.9	2,108	11.3	2.0	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	19.3	1,034	18.7	1.1	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	102.5	8,331	12.3	2.9	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	33.7	2,916	11.6	1.8	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	14.7	689	21.3	1.1	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	26.2	2,054	12.8	1.3	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	48.0	3019.9	15.9	1.9	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.3	1,933	11.5	1.5	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	110.0	5,109	21.5	3.9	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	31.1	11,559	2.7	1.1	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	42.6	1,878	22.7	2.6	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	73.0	4,390	16.6	4.7	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	111.8	5,152	21.7	5.3	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	29.8	401	74.3	2.2	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	214.0	18,902	11.3	5.0	Click
47	LHG	BĐS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	34.8	6,244	5.6	1.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
2	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
6	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
7	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
9	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
11	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
12	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
14	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
15	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
16	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
18	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
21	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
22	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
24	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
25	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
29	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
30	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
31	Banking Sector Outlook		x	Click
32	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
34	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
35	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
36	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
37	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
38	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
39	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
40	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
41	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
42	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
43	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
44	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639